

Số: **378** /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **27** tháng **02** năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi và bổ sung (01 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (*Lĩnh vực Hành chính tư pháp*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *th*

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT;
- Sở Tư pháp (Phòng KS.TTHC);
- Website tỉnh; ✓
- Lưu: VT, NC ✓



*Trần Kim Mai*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC  
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH TIỀN GIANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 378 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2014  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Số TT	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
1	T-TGG-175881-TT	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Sửa đổi: hồ sơ; căn cứ pháp lý của TTHC.



**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**1. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài:**

1	Trình tự thực hiện	<p><b>Bước 1-</b> Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Bước 2-</b> Nộp hồ sơ tại Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (số 43 đường Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p>- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết phiếu nộp lệ phí và viết giấy hẹn, trao cho người nộp.</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản (không thu lệ phí) để công dân hoàn chỉnh hồ sơ.</li> </ul> <p><b>Bước 3-</b> Nhận kết quả tại Phòng Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang (số 43 đường Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p><b>Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả:</b> Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, riêng thứ bảy từ 7 giờ đến 11 giờ 30 (trừ ngày lễ, tết, chủ nhật).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước
3	Hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p><b>* Xuất trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chính một trong các giấy tờ chứng minh về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước); Hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp lệ thay thế như Giấy Thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài hoặc công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);</li> <li>- Bản chính sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Tiền Giang kết hôn với nhau).</li> </ul> <p><b>* Nộp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai đăng ký kết hôn (Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH - Thông tư số 9b/2013/TT-BTP);</li> <li>- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc Tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ; giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp chưa</li> </ul>

quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc không có chồng;

Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy xác nhận tuyên thệ của người đó hiện tại không có vợ hoặc không có chồng, phù hợp với pháp luật của nước đó;

- Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài (cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ) xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Bản sao một trong các giấy tờ về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú trong nước); Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như giấy thông hành hoặc thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài).

- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam cư trú tại tỉnh Tiền Giang); Thẻ thường trú hoặc thẻ tạm trú hoặc giấy chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài thường trú hoặc tạm trú tại tỉnh Tiền Giang kết hôn với nhau);

- Ngoài các giấy tờ quy định trên, tùy từng trường hợp, bên nam, nữ phải nộp giấy tờ tương ứng sau đây:

+ Đối với công dân Việt Nam đang phục vụ trong các lực lượng vũ trang hoặc đang làm việc có liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước thì phải nộp giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý ngành cấp trung ương hoặc cấp tỉnh, xác nhận việc người đó kết hôn với người nước ngoài không ảnh hưởng đến bảo vệ bí mật Nhà nước hoặc không trái với quy định của ngành đó;

+ Đối với công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

+ *Đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (không đồng thời có quốc tịch nước ngoài) thì nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện tại nước mà người đó cư trú cấp hoặc giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, nơi người đó cư trú cấp;*

+ Đối với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (đồng thời có quốc tịch nước ngoài) thì phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó có quốc tịch cấp và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp;

+ Người không quốc tịch cư trú ổn định lâu dài tại Việt Nam phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó cư trú cấp.

+ Đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam thì ngoài việc phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó có quốc tịch hoặc thường trú cấp, còn phải nộp giấy xác nhận đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó, trừ trường hợp pháp luật của nước đó không quy định cấp loại giấy này;

+ Đối với người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Đối với trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, nếu đang sự thuộc một trong các trường hợp sau thì phải nộp Giấy xác nhận của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài:

- Hai bên chênh lệch nhau từ hai mươi tuổi trở lên
- Người nước ngoài kết hôn lần thứ ba hoặc đã kết hôn và ly hôn với vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam;
- Hai bên chưa hiểu biết về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của nhau; không hiểu biết về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của mỗi nước.

Trường hợp công dân Việt Nam thông thạo ngôn ngữ mà người nước ngoài sử dụng hoặc người nước ngoài thông thạo tiếng Việt, đồng thời kết quả phỏng vấn tại Sở Tư pháp cho thấy hai bên có sự hiểu biết về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của nhau, hiểu biết về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân gia đình của mỗi nước, thì không phải bổ sung Giấy xác nhận của Trung tâm.

**\* Lưu ý:**

+ Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận để sử dụng cho việc kết hôn phải được



		<p>hợp pháp hóa lãnh sự (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại);</p> <p>+ Các văn bản bằng tiếng nước ngoài phải nộp bản chính kèm bản dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p><b>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</b></p>
4	Thời hạn giải quyết	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.
5	Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tư pháp</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh, Phòng Tư pháp, Thanh tra Sở Tư pháp, UBND cấp xã</p>
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH - Thông tư số 9b/2013/TT-BTP
8	Phí, lệ phí	1.000.000 đồng
9	Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận kết hôn
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>- Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mình về điều kiện kết hôn; người nước ngoài còn phải tuân theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình của Việt Nam về điều kiện kết hôn và các trường hợp cấm kết hôn;</p> <p>- Việc kết hôn giữa người nước ngoài với nhau, mỗi bên phải tuân theo pháp luật của nước mà họ là công dân hoặc thường trú (đối với người không quốc tịch) về điều kiện kết hôn. Ngoài ra, còn phải tuân theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình của Việt Nam về điều kiện kết hôn và các trường hợp cấm kết hôn.</p>
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;</p> <p>- Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;</p>

	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 9b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP;</li><li>- Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;</li><li>- Nghị quyết 166/2008/NQ-HĐND ngày 03/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.</li></ul>
--	---

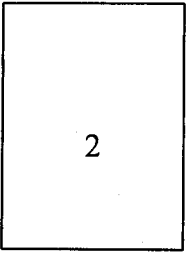
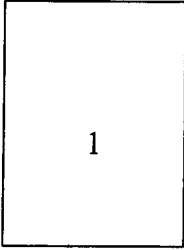


Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH (Thông tư 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN



Kính gửi:.....

(Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH

Người khai	Bên nam	Bên nữ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế		
Nghề nghiệp		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị ..... đăng ký.

....., ngày .....tháng ..... năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của  
cơ quan có thẩm quyền

**Bên nam**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Bên nữ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....  
.....

.....

.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn 6 tháng  
kể từ ngày xác nhận.

Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.....

*Chú thích: (1), (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ*